

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TCN24B**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH03058**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Dinh dưỡng và thức ăn**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201200311	Dương Khánh	Băng	10/11/2009				10	7.5	10.0	7.0		9.5		9.1
2	2456201200312	Nguyễn Hữu	Cường	20/02/2009				9	6.5	9.0	10.0		0.0		3.4
3	2456201200313	Lương Thị Thúy	Diễm	13/09/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
4	2456201200314	Lương Phước	Duy	05/01/2009				10	8.0	10.0	9.0		5.0		6.7
5	2456201200315	Võ Thị Thùy	Dương	29/04/2009				6	5.0	5.0	5.0		0.0		2.1
6	2456201200316	Hồ Cẩm	Đào	09/08/2009				7	5.0	5.0	10.0		6.5		6.6
7	2456201200317	La Thanh	Hải	28/09/2009				9	6.5	10.0	0.0		0.0		2.4
8	2456201200318	La Thị	Hạn	01/10/2006				7	7.5	10.0	10.0		2.5		5.0
9	2456201200320	Trần Lê	Hậu	19/12/2009				10	7.0	10.0	10.0		6.0		7.3
10	2456201200321	Lê Quốc	Huân	30/10/2008				10	6.5	10.0	9.0		5.0		6.5
11	2456201200322	Hoa Ngọc Kim	Khánh	02/09/2009				10	6.0	5.0	10.0		8.5		8.1
12	2456201200323	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	03/09/2009				8	7.0	8.0	10.0		5.5		6.6
13	2456201200324	Trần Quốc	Kỳ	13/01/2006				5	5.0	8.0	9.0		6.5		6.7
14	2456201200325	Nguyễn Hữu	Lợi	25/08/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
15	2456201200326	La Bảo	Nam	16/09/2009				9	6.0	9.0	10.0		2.0		4.6
16	2456201200327	Lê Quốc	Nam	03/11/2009				8	6.0	9.0	3.0		2.0		3.7
17	2456201200328	Lê Tấn	Nhân	25/08/2007				10	7.0	8.0	10.0		5.0		6.4
18	2456201200329	Phan Phạm Hào	Phóng	12/12/2009				5	6.0	10.0	10.0		9.5		9.0
19	2456201200331	Dương Hoàn	Quân	03/09/2009				5	5.0	5.0	8.0		8.5		7.4
20	2456201200332	Nguyễn Nhứt	Sang	21/11/2008				5	5.0	5.0	6.0		6.0		5.7
21	2456201200333	Trần Thị Phi	Sứ	13/04/2008				6	5.5	5.0	8.0		0.0		2.5
22	2456201200334	Nguyễn Nhật	Tân	13/07/2009				9	5.0	7.0	10.0		4.5		5.7
23	2456201200335	Phạm Đức	Thành	10/11/2003				10	7.0	10.0	10.0		10.0		9.7
24	2456201200336	Lương Hữu	Thọ	11/12/2009				8	8.0	10.0	9.0		8.0		8.3
25	2456201200337	Võ Hứa Ti	Ti	07/12/2009				10	6.5	10.0	6.0		5.5		6.4
26	2456201200338	Lê Ngọc Bảo	Trân	09/09/2009				10	7.0	8.0	10.0		6.5		7.3
27	2456201200339	Nguyễn Trang Thanh	Tuyền	06/03/2006				10	8.0	10.0	9.5		9.5		9.4
28	2456201200340	Bùi Văn	Vô	14/08/2009				3	7.5	5.0	10.0		10.0		8.7
29	2456201200897	Lý Ngọc	Huy	08/11/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
30	2456201200898	Phan Hoàng	Huy	08/11/2009				10	7.5	10.0	10.0		10.0		9.7

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Hữu Tam